

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 - Công ty CP thủy điện Quế Phong

Kính thưa:

- Quý vị đại biểu;
- Quý vị cổ đông Công ty CP thủy điện Quế Phong;
- Thưa toàn thể Đại hội.

Hôm nay tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020; thay mặt Ban Tổng giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Quế Phong, tôi xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên về kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019, dự kiến kế hoạch SXKD năm 2020 như sau:

I. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TĐ Bản Cốc	TĐ Sao Va	Khác	Tổng cộng
1	Sản lượng điện	kWh				
	Sản lượng KH 2019	kWh	65,000,000	10,000,000		75,000,000
	Sản lượng TH 2019	kWh	60,485,547	8,601,356		69,086,903
	Tỷ lệ	%	93,05%	86,13%		82,12%
2	Doanh thu bán điện	Tỷ đồng				
	Doanh thu KH 2019	Tỷ đồng	80,462	11,695		92,337
	Doanh thu TH 2019	Tỷ đồng	80,480	10,561		91,041
	Tỷ lệ	%	100,02%	98,75%		99,87%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng				
	Kế hoạch	Tỷ đồng				44.387
	Thực hiện	Tỷ đồng				46.682
	Tỷ lệ	%				105,17%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng				
	Kế hoạch	Tỷ đồng				42.167
	Thực hiện	Tỷ đồng				43.326
	Tỷ lệ	%				102.75%

II. Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2019:

1. Về thực hiện chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2019:

Trong năm 2019, dưới sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, các nhà máy trực thuộc công ty tiếp tục tập trung phát điện tối đa vào giờ cao điểm theo Hợp đồng biểu giá chi phí tránh được, tuy nhiên do tình hình thời tiết gặp nhiều bất lợi nên sản lượng phát điện đã giảm mạnh

dẫn đến các chỉ tiêu về sản lượng và doanh thu không đạt theo kế hoạch đề ra, cụ thể: sản lượng của cả hai nhà máy đạt 69,086,903 kWh chỉ đạt 82,12% so với kế hoạch đề ra; doanh thu bán điện đạt 91,041 tỷ đồng (không bao gồm thuế TN và phí dịch vụ môi trường rừng, doanh thu khác) đạt 99,87% so với kế hoạch đề ra; các chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế và sau thuế đều cao hơn so với kế hoạch đề ra lần lượt là 5,17% và 2,75%. Đây là kết quả tương đối tốt trong bối cảnh tình trạng hạn hán kéo dài nghiêm trọng nhất trong gần 10 năm qua, với sự nỗ lực phát huy tối đa nguồn lực hiện có của toàn thể CBCNV Công ty cổ phần thủy điện Quế Phong.

2. Về công tác đầu tư:

- Trong năm 2019, Công ty cũng đã tiến hành sửa chữa nhỏ, bảo dưỡng định kỳ các tổ máy Nhà máy thủy điện Bản Cốc, Sao Va nâng cao hiệu quả vận hành phát điện. Ngoài ra còn rà soát khắc phục một số hư hỏng, thiếu sót cho các Nhà máy để đảm bảo vận hành an toàn hiệu quả.

3. Về công tác tài chính:

Năm 2019 tình hình tài chính của Công ty đạt được những kết quả khả quan, đảm bảo cân đối được dòng tiền trả nợ cho các tổ chức tín dụng, không để phát sinh nợ quá hạn.

Tình hình dư nợ tại các TCTD: ĐVT: 1.000 đồng

23. Vay và nợ thuê tài chính	12/31/2019		Trong năm		1/1/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b) Vay dài hạn	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Nghệ An (i)	9,281,935,015	9,281,935,015	-	18,531,600,000	27,813,535,015	27,813,535,015
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phù Quỳnh (ii)	4,570,542,750	4,570,542,750	-	2,600,000,000	7,170,542,750	7,170,542,750
Cộng	13,852,477,765	13,852,477,765	-	21,131,600,000	34,984,077,765	34,984,077,765

III. Kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2019:

1. Việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2019: Như đã trình bày ở trên.

2. Về lựa chọn đơn vị kiểm toán: Hội đồng quản trị đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Phía Bắc để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.

3. Về thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong năm 2019:

Dự toán tổng mức lương, thù lao thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty cổ phần thủy điện Quế Phong khi tỷ lệ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh (doanh thu, lợi nhuận) của Công ty $\geq 100\%$ kế hoạch năm, tối đa là 720 triệu đồng. Thực tế Công ty đã thực hiện chi trả 720 triệu đồng.

IV. Báo cáo tài chính năm 2019:

1. Bảng cân đối kế toán:

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2019	01/01/2019
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		170.513.891.631	123.686.287.394
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.149.121.863	1.858.727.922
1. Tiền	111		1.149.121.863	1.858.727.922
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		168.432.935.498	121.530.253.091
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	41.594.758.775	43.434.752.094
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	11.384.780.380	11.780.657.023
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	114.959.941.081	65.069.323.681
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	513.455.262	1.265.520.293
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(20.000.000)	(20.000.000)
IV/ Hàng tồn kho	140		929.908.011	297.306.381
1. Hàng tồn kho	141	5.6	929.908.011	297.306.381
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		1.926.259	-
1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.11	1.926.259	-
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		238.921.028.030	267.724.142.689
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		1.240.726.279	1.002.315.751
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	1.240.726.279	1.002.315.751
II/ Tài sản cố định	220		227.257.533.513	258.785.742.196
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	226.135.234.294	257.076.563.569
- Nguyên giá	222		472.735.002.176	472.735.002.176
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(246.599.767.882)	(215.658.438.607)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	1.122.299.219	1.709.178.627
- Nguyên giá	228		3.724.769.595	3.724.769.595
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.602.470.376)	(2.015.590.968)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		22.160.909	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		22.160.909	-
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		10.400.607.329	7.936.084.742
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	10.400.607.329	7.936.084.742
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		409.434.919.661	391.410.430.083

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2019	01/01/2019
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		131.507.827.035	117.648.370.383
I/ Nợ ngắn hạn	310		116.880.806.525	81.305.292.857
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	37.824.781.511	39.096.013.855
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	5.749.468.470	7.548.675.280
3. Phải trả người lao động	314		1.443.132.851	1.341.742.471
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	7.783.451.569	8.409.829.021
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.10	37.219.879.632	43.800.000
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	21.131.600.000	21.131.600.000
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		5.728.492.492	3.733.632.230
II/ Nợ dài hạn	330		14.627.020.510	36.343.077.526
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.12	774.542.745	1.358.999.761
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	13.852.477.765	34.984.077.765
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		277.927.092.626	273.762.059.700
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.14	277.927.092.626	273.762.059.700
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		185.831.000.000	185.831.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		185.831.000.000	185.831.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		20.924.187.646	20.924.187.646
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		70.660.374.980	66.495.342.054
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		24.338.110.582	15.899.702.026
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		46.322.264.398	50.595.640.028
4. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		511.530.000	511.530.000
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		409.434.919.661	391.410.430.083

V. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019:

Trong năm 2019, thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2019, Công ty đã thực hiện hoàn thành việc chi trả cổ tức năm 2018 cho Cổ đông với tỷ lệ 20%/VĐL bằng tiền mặt.

Năm 2020, HĐQT công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc phân chia cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ là 20%/VĐL bằng tiền mặt (kèm theo tờ trình về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019) và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm thích hợp trong năm 2020 để chi trả cho cổ đông.

VI. Kế hoạch SXKD năm 2020:

1. Thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến kế hoạch SXKD năm 2020:

1.1. Thuận lợi:

- Đội ngũ CBCNV đoàn kết nội bộ tốt, yêu lao động, có nhu cầu công việc cao, có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng;
- Được sự giúp đỡ của các cổ đông chính như Tổng công ty Điện lực Trung Sơn và các Cổ đông lớn khác;
- Được sự giúp đỡ, quan tâm của chính quyền và nhân dân địa phương;
- Được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước về chính sách đầu tư nguồn điện;
- Nhà máy thủy điện Bản Cốc, Sao Va đã đi vào vận hành kinh doanh 10 năm nên cán bộ công nhân viên Công ty đã có nhiều kinh nghiệm trong việc tác nghiệp với các cơ quan hữu

quan nhất là với Tổng công ty điện lực Miền Bắc, Trung tâm điều độ hệ thống điện trong sản xuất và thanh toán tiền điện.

- Một số yếu tố khác trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư;...

1.2. Khó khăn:

- Toàn bộ dự án nằm trong khu vực miền Tây Nghệ An, khí hậu có nét đặc thù và khắc nghiệt; giao thông đi lại khó khăn và thông tin liên lạc còn nhiều hạn chế. Trụ sở Công ty đóng xa trung tâm, có những diễn biến phức tạp về trật tự, trị an. Cơ sở vật chất còn khó khăn thiếu thốn: Điều kiện đi lại khó khăn; các dịch vụ y tế, trường học nằm cách quá xa Công ty; thông tin liên lạc kém, không ổn định dẫn đến CBCNV không an tâm phát triển;

- Điện lượng vào mùa khô đạt thấp hơn kỳ vọng của dự án (*Do hiện tượng khí hậu thay đổi thất thường – chế độ Thủy văn có sự suy giảm, lượng mưa giảm thấp so với số liệu thiết kế, công tác khảo sát đánh giá ban đầu chưa sát với thực tế, qua 9 năm vận hành từ năm 2010 đến nay chế độ thủy văn không có sự thay đổi khác*);

2. Kế hoạch SXKD năm 2020:

Trên cơ sở xác định các điều kiện nội tại của Công ty cổ phần thủy điện Quế Phong cũng như xác định những thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến việc xây dựng Kế hoạch SXKD năm 2020; Kế hoạch SXKD năm 2020 dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TĐ Bản Cốc	TĐ Sao Va	Tổng cộng
1	Sản lượng	kWh	63,926,000	9,370,000	73,296,000
2	Doanh thu	Tỷ đồng	101,557	14,263	115,819
	Tiền bán điện		93,296	13,052	106,348
	Tiền thuế TN cộng vào giá bán		5,959	873	6,833
	Tiền phí dịch vụ MTR cộng vào giá bán		2,301	337	2,639
3	Doanh thu hoạt động tài chính				5,000
4	Doanh thu khác				3,000
4	Chi phí		22,916	4,977	68,457
	Chi phí tiền lương				6,000
	Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên		3,047	1,426	4,473
	Chi phí thuế TN		5,959	873	6,833
	Phí dịch vụ MTR		2,301	337	2,639
	Chi phí quản lý		5,078		

			1,426	6,504
	Chi phí sửa chữa lớn	6,531	914	7,444
	Chi phí khấu hao TSCĐ			31,564
	Chi phí lãi vay			3,000
5	Chi phí khác			3,000
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng		52,363
7	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng		49,744
8	Trả cổ tức năm 2020	%/VĐL		20

Nhằm đảm bảo hiệu quả đầu tư, hiệu quả SXKD của Công ty; Công ty cổ phần thủy điện Quế Phong đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 xem xét thông qua các chỉ tiêu kinh tế nêu trên đồng thời thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị được chủ động điều chỉnh kế hoạch năm 2020 (nếu thấy cần thiết) cho phù hợp tình hình hoạt động thực tế, chính sách của Nhà nước, mức độ ổn định vĩ mô nền kinh tế của Việt Nam trong năm 2020.

3. Mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm khác trong năm 2020:

- Tiếp tục tập trung phát điện vào giờ cao điểm theo Hợp đồng biểu giá chi phí tránh được.
- Tiếp tục rà soát toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị Nhà máy, trạm, hệ thống điều khiển, đường dây để sửa chữa, thay thế, nâng cấp đáp ứng được yêu cầu phát điện với hiệu quả cao nhất.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Tổng giám đốc Công ty trong năm 2019, Kế hoạch SXKD năm 2020 dự kiến và một số vấn đề khác.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty CP thủy điện Quế Phong xem xét thông qua./.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TV HĐQT, TV BKS;
- Website Công ty;
- Lưu VP, Tài liệu Đại hội.

CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG
TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Thái Hưng